TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯM'GAR** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2019/HNGĐ-ST
Ngày 09/9/2019
" *V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯM'GAR

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Trọng Phụng

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Mạnh
2. Bà Cao Thị Hồng Châu

- *Thư ký phiên toà:* Bà Đinh Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CưM'Gar

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CưM'gar tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Ngọc Oanh – Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 9 năm 2019 tại Toà án nhân dân huyện Cư M'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 172/2019/TLST – HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2019 về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2019/QĐXXST- DS, ngày 05 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2019/QĐST, ngày 22 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phùng Thị Bích L, có mặt
Nơi cư trú: Thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

Bị đơn: Anh Nguyễn Nhị T, vắng mặt
Nơi cư trú: Thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa chị Phùng Thị Bích L trình bày:

Chị và anh Nguyễn Nhị T lấy nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quảng Hiệp, huyện CưM'Gar, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 20/6/2013. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do chị và anh T không hợp tính nết, không thông cảm cho nhau nên thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau. Việc vợ chồng thường xuyên xích mích gia đình hai bên, hàng xóm ai cũng biết và cố gắng hàn gắn nhưng không có

kết quả nên từ đầu năm 2019 đến nay chị và anh T không chung sống với nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể đoàn tụ chung sống với nhau nữa, nguyện vọng của chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Nhị T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng chị L, anh T có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 05/02/2014. Nguyện vọng của chị L được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải anh Nguyễn Nhị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung anh T đồng ý với lời khai của chị Phùng Thị Bích L. Về mâu thuẫn gia đình anh T nhận thấy giữa anh và chị L thỉnh thoảng cũng có mâu thuẫn và có xích mích, cãi vã đôi lời nhưng đó là việc của bao gia đình, không hiểu lý do gì từ tháng 03 năm 2019 đến nay chị L bỏ đi không chung sống với anh nữa. Nay chị L đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh T không đồng ý vì anh cho rằng vẫn còn tình cảm với chị L và còn thương con.

Về con chung: Anh không đồng ý ly hôn nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án;

Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phùng Thị Bích L và cho chị L được ly hôn với anh Nguyễn Nhị T.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 05/02/2014 cho chị Phùng Thị Bích L chăm sóc nuôi dưỡng đến trưởng thành (đủ 18 tuổi).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật*: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là tranh chấp về hôn nhân gia đình, được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm

a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CưM'Gar.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn anh Nguyễn Nhị T vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án:* Chị Phùng Thị Bích L và anh Nguyễn Nhị T tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Quảng Hiệp, huyện CưM'Gar, tỉnh Đắk Lắk ngày 20/6/2013, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng chị L, anh T thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị L và anh T không hòa hợp tính nết dẫn đến cãi vã. Chị L và anh T thừa nhận từ tháng 03 năm 2019 đến nay không chung sống với nhau nữa. Qua kết quả xác minh của Tòa án tại địa phương nơi chị L và anh T chung sống thì chính quyền địa phương cho biết. Từ đầu năm 2019 đến nay chị L và anh T thường xuyên mâu thuẫn với nhau, lý do mâu thuẫn là do anh T thường ghen tuông vô cớ cho rằng chị L có quan hệ tình cảm với người khác, không những mâu thuẫn giữa hai vợ chồng mà cả hai bên gia đình thông gia cũng xảy ra mâu thuẫn thường xuyên xúc phạm lẫn nhau.

Như vậy, mặc dù cuộc sống chung không còn tồn tại trong khoảng thời gian dài nhưng cả chị L và anh T không có ý thức đoàn tụ để hàn gắn, bảo vệ hạnh phúc gia đình. Như vậy, hôn nhân của chị L, anh T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn ly hôn của nguyên đơn Phùng Thị Bích L cho chị L ly hôn với anh T. Không chấp nhận ý kiến xin đoàn tụ của anh T.

Về con chung: Chị L và anh T có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 05/02/2014. Chị L và anh T cùng có nguyện vọng nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H đến khi cháu đủ 18 tuổi. Xét thấy chị L đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, cháu lại là con gái nên cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ nên cần giao cháu H cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho cháu phát triển. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Phùng Thị Bích L giao cháu Nguyễn Ngọc Gia H cho chị Phùng Thị Bích L nuôi dưỡng đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

Tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị Phùng Thị Bích L phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng

dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phùng Thị Bích L;

Chị Phùng Thị Bích L được ly hôn với anh Nguyễn Nhị T.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Gia H , sinh ngày 05/02/2014 cho chị Phùng Thị Bích L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Về án phí: Chị Phùng Thị Bích L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà chị L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2017/0013898 ngày 13/5/2019 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện CưM’gar.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

PHAN TRỌNG PHỤNG

Nơi nhận:
- VKS tỉnh; TA tỉnh ĐắkLắk;
- VKS huyện CưM'gar;
- Thi hành án dân sự CưM'gar;
- UBND xã Quảng Hiệp;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Trọng Phụng